

Số: 180 /BC-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 09 năm 2023

## BÁO CÁO

### Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trong tháng 9 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 5319/UBND-KSTT ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ.

Căn cứ Đề cương báo cáo hằng tháng về kết quả thực hiện các nội dung theo Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ (gửi kèm theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính từ ngày 23 tháng 8 năm 2023 đến ngày 22 tháng 9 năm 2023 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

##### 1. Về cải cách việc quy định thủ tục hành chính (TTHC)

##### 1.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính

- Đã đánh giá tác động đối với TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: **0**

- Đã thẩm định đối với TTHC quy định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó:

+ Cơ quan thẩm định đã kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC : **0**

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC : **0**.

##### 1.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính

- Đã thiết lập biểu mẫu điện tử tương tác cho 14 TTHC tự động điền thông tin khai thác từ CSDL quốc gia về dân cư vào biểu mẫu điện tử (Đăng ký khai sinh; Đăng ký khai tử; Đăng ký kết hôn; Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;

Cấp giấy xác nhận thông tin hộ tịch; Cấp bản sao giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch; Đăng ký giám hộ; Đăng ký nhận cha mẹ con; Cấp phiếu lý lịch tư pháp; Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế; Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế; Cấp Chứng chỉ hành nghề dược). Hiện nay, đang tiếp tục hoàn thiện các biểu mẫu điện tử tương tác còn lại theo hướng cắt giảm các thông tin không phải khai báo, cung cấp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), tiến độ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ của tỉnh sẽ hoàn thành đối với 50% số lượng trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 và hoàn thành đối với 50% số lượng còn lại trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

**1.3. Tổng số thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: không**

## **2. Về cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính**

### **2.1. Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính**

Theo kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong tháng 9 năm 2023, điểm trung bình nhóm chỉ số công bố, công khai đạt 17.7/18 điểm, cụ thể:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn đạt 100%, tỷ lệ TTHC công khai, cập nhật đúng hạn đạt 100%.

- Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó hồ sơ đã đồng bộ 393.549 (đạt 98,83%), hồ sơ chưa đồng bộ 4.657 (đạt 1,17%).

### **2.2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là: 50.768 hồ sơ, trong đó bao gồm: 41.486 hồ sơ tiếp nhận mới (trực tuyến: 19.618 hồ sơ; trực

tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: 21.868 hồ sơ), 9.282 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 40.534 hồ sơ, trong đó bao gồm: 37.774 hồ sơ giải quyết trước hạn, 2.717 hồ sơ giải quyết đúng hạn và 43 hồ sơ giải quyết trễ hạn.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết và còn trong hạn: 10.234 hồ sơ.

### **2.3. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến**

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành rà soát, đánh giá về điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần của các TTHC hiện hành nhằm đảm bảo việc thực hiện được thực chất, hiệu quả. Kết quả rà soát có 941 TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (chiếm 48,6% trong tổng số 1.936 TTHC của tỉnh), tăng 77 TTHC, tương ứng với 8,9% so với số lượng trước khi rà soát (864 TTHC); 792 TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, (chiếm 40,9% trong tổng số 1.936 TTHC của tỉnh), tăng 142 TTHC, tương ứng với 22% so với số lượng trước khi rà soát (650 TTHC); 203 TTHC không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tương ứng với 52% (219/422) so với số lượng trước khi rà soát, chiếm 10,5% trong tổng số 1.936 TTHC của tỉnh<sup>1</sup>.

- Trong tháng 9 năm 2023, số lượng hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến là 19.618/50.768 đạt tỷ lệ 38.64% (tăng 1,8%). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả bao gồm các Sở: Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Ngoại vụ, Tài chính, Y tế, Văn hóa và Thể thao có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt tỷ lệ 100%. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn, huyện Phù Mỹ có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt tỷ lệ trên 50% (*Phụ lục 1 kèm theo*).

- Dịch vụ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện. Trong tháng 9 năm 2023, tổng số giao dịch thanh toán là 31.186 giao dịch (tăng 7.514 giao dịch). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả bao gồm Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn và các xã, phường, thị trấn của Tây Sơn, Hoài Nhơn, An Nhơn, Vân Canh là những địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả (*Phụ lục 2 kèm theo*).

### **2.4. Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

- Hoàn thành việc xây dựng Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia đáp ứng yêu cầu tái sử dụng dữ liệu theo

<sup>1</sup> Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục 941 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Bình Định; Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục 792 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần của tỉnh Bình Định.

quy định. Hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Kho dữ liệu cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công tỉnh trong thực hiện TTHC<sup>2</sup>.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC trong tháng 9 năm 2023 như sau:

+ Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 70%, trong đó cấp tỉnh đạt 83,5% (giảm 3,1% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 47,9% (tăng 4,5% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 76,4% (tăng 4,3% so với cùng kỳ tháng trước).

+ Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 69,28%, trong đó cấp tỉnh đạt 83,55% (tăng 15% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 47,9% (giảm 2,5% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 76,4% (tăng 3,4% so với cùng kỳ tháng trước);

+ Tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bình quân của cả tỉnh đạt 94,1% (giảm 0,5% so với cùng kỳ tháng trước), trong đó cấp tỉnh đạt 92%. (giảm 2,6% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 97% (tăng 0,3% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 93,2% (tăng 0,1% so với cùng kỳ tháng trước).

### ***2.5. Kết quả hợp nhất, kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính***

Cổng Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh đã hợp nhất từ năm 2019, hoàn thành kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và 12 hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu khác (đã báo cáo Văn phòng Chính phủ tại Báo cáo số 142/BC-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023).

### **3. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị**

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 18; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 14; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 4.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

### **4. Một số nhiệm vụ khác**

- Triển khai các nhiệm vụ theo “Đề án thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa, trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên địa bàn tỉnh” (ban hành theo Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Theo đó, đã thực hiện chuyển giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa và trả kết quả giải

<sup>2</sup> Công văn số 600/VPUBND-TTPVHCC ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

quyết hồ sơ TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cho Bưu điện tỉnh Bình Định thực hiện kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2023.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định<sup>3</sup> liên quan đến công tác kiểm soát TTHC, giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh” (ban hành theo Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Ban hành Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc sửa đổi Bộ Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

- Công tác kiểm soát TTHC, theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả giải quyết TTHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và báo cáo định kỳ hằng tháng về công tác cải cách TTHC theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ tiếp tục được duy trì và thực hiện nền nếp, qua đó góp phần thúc đẩy, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC và thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- TTHC tiếp tục được rà soát, đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết trên các lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy; rà soát, đánh giá tổng thể việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần theo Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

- Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến tiếp tục có sự chuyển biến và tăng về số lượng giao dịch so với cùng kỳ tháng 8 năm 2023.

### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Việc khai thác, tái sử dụng các kết quả TTHC đã được số hóa chưa được phát huy đúng mức; việc rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng cắt giảm các thông tin không phải khai báo, cung cấp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến triển khai thực hiện có mặt còn chậm.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn vẫn còn tại một số địa phương, đơn vị (tổng số hồ sơ trễ hạn của cả tỉnh trong tháng 9 năm 2023 là 43 hồ sơ).

## **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THÁNG 10 NĂM 2023**

<sup>3</sup> (i) Quyết định số 63/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định việc tổ chức thu phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ khác trong giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; (ii) Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh; (iii) Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh và (iv) Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ còn lại theo Công văn số 70/TCTCCTTHC ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung một số nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng quy định theo Công văn số 70/TCTCCTTHC ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiếp tục chỉ đạo việc rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng cắt giảm các thông tin không phải khai báo, cung cấp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến (các trường thông tin đã khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm mục tiêu cắt giảm ít nhất 20% thông tin phải khai báo.

3. Tập trung rà soát, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai Đề án 06, bảo đảm gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa cải cách TTHC với chuyển đổi số quốc gia theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 452/TTg-KSTT ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Thông báo số 238/TB-VPCP ngày 22 tháng 6 năm 2023.

4. Tổng hợp việc rà soát, đề xuất phương án cắt giảm các quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp, báo cáo Văn phòng Chính phủ theo Công văn số 7137/VPCP-KSTT ngày 18 tháng 9 năm 2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng BTC Nguyễn Đức Chi (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VNPT Bình Định, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT<sup>(C)</sup>

*Thao*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục 1**  
**THỐNG KÊ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG TỈNH**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND*  
*ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>6.086</b>	<b>8.128</b>	<b>47,35</b>
1	Sở Du lịch	9	9	100
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	159	159	100
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30	30	100
4	Sở Ngoại vụ	3	3	100
5	Sở Thông tin và Truyền thông	21	21	100
6	Sở Tài chính	6	6	100
7	Sở Tư pháp	964	964	100
8	Sở Văn hóa và Thể thao	30	30	100
9	Sở Y tế	236	236	100
10	Sở Công Thương	2.808	2.834	99,08
11	Sở Nội vụ	46	49	93,87
12	Sở Giao thông vận tải	1.269	1.579	80,36
13	Sở Khoa học và Công nghệ	9	12	75
14	Sở Xây dựng	138	224	61,60
15	Sở Nông nghiệp và PTNT	178	383	46,47
16	Sở Lao động – TB&XH	22	59	37,28
17	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	11	52	21,15
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	147	1478	9,94
<b>II</b>	<b>Cấp huyện, cấp xã</b>	<b>13.532</b>	<b>33.358</b>	<b>40,57</b>
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	2.827	4.389	64,41
2	UBND huyện Phù Mỹ	1.704	2.48	57,8
3	UBND thị xã An Nhơn	1.258	2.669	47,13
4	UBND huyện Tây Sơn	1.998	4.354	45,89
5	UBND TP. Quy Nhơn	2.244	5.191	43,23
6	UBND huyện Tuy Phước	1.482	3.776	39,25
7	UBND huyện Hoài Ân	389	1.380	28,19
8	UBND huyện Vân Canh	278	1.010	27,52
9	UBND huyện Vĩnh Thạnh	258	1.254	20,57
10	UBND huyện Phù Cát	852	4.253	20,03
11	UBND huyện An Lão	242	2.134	11,34

**Ghi chú:** Số liệu tính từ ngày 23/8/2023 đến ngày 22/9/2023./.

**Phụ lục 2**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH THANH TOÁN**  
**TRỰC TUYẾN PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND*  
*ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)*

STT	Đơn vị	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>2.499</b>	<b>4.631</b>	<b>54</b>
1	Sở Khoa học và Công nghệ	5	5	100
2	Sở Y tế	200	188	94
3	Sở Tư pháp	963	863	89,6
4	Sở Du lịch	7	6	85,7
5	Sở Thông tin và Truyền thông	13	10	76,9
6	Sở Nông nghiệp và PTNT	205	151	73,6
7	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	39	22	56,4
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.417	737	52
9	Sở Lao động – TB&XH	4	2	50
10	Sở Giao thông vận tải	1547	480	31
11	Sở Văn hóa và Thể thao	5	1	20
12	Sở Xây dựng	191	32	16,7
13	Sở Công Thương	21	2	9,5
14	Sở Nội vụ	14	0	0
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	-	-
17	Ban Dân tộc tỉnh	-	-	-
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-	-	-
19	Sở Ngoại vụ	-	-	-
20	Sở Tài chính	-	-	-
21	Thanh tra tỉnh	-	-	-
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>13.120</b>	<b>5.439</b>	<b>41,46</b>
1	UBND huyện An Lão	626	257	41,05
2	UBND huyện Hoài Ân	404	95	23,51
3	UBND huyện Phù Cát	1.280	506	39,53
4	UBND huyện Phù Mỹ	1.146	464	40,49
5	UBND huyện Tây Sơn	1.834	676	36,86
6	UBND huyện Tuy Phước	1.435	86	5,99
7	UBND huyện Vân Canh	297	127	42,76
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	228	109	47,81
9	UBND thị xã An Nhơn	1.330	718	53,98
10	UBND thị xã Hoài Nhơn	2.444	1.026	41,98
11	UBND TP. Quy Nhơn	2.096	1.375	65,6



STT	Đơn vị	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
<b>III</b>	<b>Cấp xã</b>	<b>15.567</b>	<b>12.941</b>	<b>83,13</b>
1	UBND huyện An Lão	1.375	308	22,4
2	UBND huyện Hoài Ân	801	547	68,29
3	UBND huyện Phù Cát	2.620	2.206	84,2
4	UBND huyện Phù Mỹ	1.113	961	86,34
5	UBND huyện Tây Sơn	2.137	2.101	98,32
6	UBND huyện Tuy Phước	1.781	1.614	90,62
7	UBND huyện Vân Canh	603	573	95,02
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	956	664	69,46
9	UBND thị xã An Nhơn	774	746	96,38
10	UBND thị xã Hoài Nhơn	1.201	1.180	98,25
11	UBND TP. Quy Nhơn	2.206	2.041	92,52
	<b>Tổng số 1+2+3</b>	<b>31.186</b>	<b>23.011</b>	<b>60</b>

**Ghi chú:**

- Số liệu tính từ ngày 23/8/2023 đến ngày 22/9/2023 (thống kê theo ngày thanh toán);
- (-) Các cơ quan không có TTHC thu phí, lệ phí.